

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-11-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Châu.

2. Bà Dương Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Mai Thế B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2021, bản tự khai ngày 02/8/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Thế B kết hôn với nhau vào ngày 06/12/2004 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tình cảm vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau, trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng

02/2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là Mai Thế M sinh ngày 11/7/2006 và Mai Thế V sinh ngày 14/02/2009. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Mai Thế B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cho anh B (bằng thủ tục niêm yết tại nơi cư trú) nhưng anh B đều vắng mặt, không đến Tòa án để thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh B vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh B vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị N và anh B.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn anh Mai Thế B; về con: giao hai cháu Mai Thế M và Mai Thế V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Mai Thế B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên đơn Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn Mai Thế B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị N và anh B.

* Về nội dung giải quyết:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Mai Thế B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do tình cảm vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau, trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02/2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị N đã từng làm đơn xin ly hôn anh B vào tháng 4/2021, nhưng sau đó Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Qua xác minh tại địa phương, ông Mai Sỹ H, trưởng thôn 4, xã T có ý kiến: sau khi kết hôn, vợ chồng anh B, chị N chung sống tại nhà anh B ở thôn 4, xã T, đến khoảng năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, đầu năm 2015 chị N cùng các con về bên ngoại ở xã A sinh sống, từ đó đến nay không thấy quay lại nhà anh B. Từ những mâu thuẫn nêu trên, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân anh B cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị N, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có hai con chung là Mai Thế M sinh ngày 11/7/2006 và Mai Thế V sinh ngày 14/02/2009. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay hai cháu M và V đều đang ở với mẹ, nguyện vọng của các cháu là được ở cùng với mẹ, còn anh B không có ý kiến gì, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, giao hai cháu M và V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, còn anh B không có ý kiến gì, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn anh Mai Thế B.

2. Về con: Giao hai cháu Mai Thế M sinh ngày 11/7/2006 và Mai Thế V sinh ngày 14/02/2009 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Mai Thế B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2019/0011098 ngày 28/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị N đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến